

# Phân tích thực trạng nguồn cung nguyên liệu cho ngành chế biến đồ gỗ xuất khẩu của Việt Nam

Nguyễn Văn Nền\*

## TÓM TẮT

Bài viết tập trung phân tích thực trạng nguồn cung nguyên liệu cho công nghiệp chế biến đồ gỗ xuất khẩu của Việt Nam. Bằng phương pháp phân tích các dữ liệu thống kê và dự báo, nghiên cứu phân tích về nhu cầu gỗ nguyên liệu cho sản xuất đồ gỗ xuất khẩu của Việt Nam, nguồn cung nguyên liệu gỗ nội địa, nguồn nguyên liệu gỗ nhập khẩu và xuất xứ nguồn gỗ nguyên liệu. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng: (i) nhu cầu nguồn nguyên liệu gỗ sẽ tiếp tục tăng mạnh trong thời gian tới; (ii) nguồn nguyên liệu gỗ nội địa từ rừng trồng của Việt Nam chưa thể đáp ứng được nhu cầu do chất lượng kém và sản lượng khai thác thấp; (iii) mặc dù chưa thể đáp ứng nhu cầu nhưng khả năng cung ứng nguồn nguyên liệu trong nước đã ngày càng được cải thiện tốt hơn; (iv) các doanh nghiệp Việt Nam đã ngày càng chú trọng nguồn nguyên liệu có nguồn gốc hợp pháp. Với những thực trạng được phân tích, một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng đảm bảo nguồn nguyên liệu cho sản xuất đồ gỗ trong thời gian tới là: (i) thực hiện dự báo nhu cầu gỗ nguyên một cách bài bản, khoa học và chi tiết; (ii) xây dựng những chính sách rõ ràng hơn về trồng rừng, khai thác và sử dụng triệt để phần nguyên liệu nội địa; (iii) xây dựng cổng thông tin về nguyên liệu gỗ; (iv) đẩy mạnh thực hiện liên kết cung cấp nguyên liệu – sản xuất thành phẩm.

**Từ khoá:** nguyên liệu gỗ, chế biến gỗ, đồ gỗ, xuất khẩu

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong gần 10 năm gần đây, xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản của Việt Nam đã có sự tăng trưởng nhanh và liên tục. Theo Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong năm 2018 đạt khoảng 9,3 tỷ USD, đứng thứ 5 thế giới, thứ 2 châu Á và đứng đầu Đông Nam Á. Sự thành công đó có thể xuất phát từ việc Việt Nam đã có những chủ trương, chính sách tạo điều kiện thuận lợi, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế cùng tham gia cạnh tranh, phát triển lành mạnh. Ở góc độ doanh nghiệp, ngành gỗ thành công là do các doanh nghiệp đã rất năng động, sáng tạo, đầu tư thiết bị công nghệ chế biến gắn với thị trường và mở rộng được thị trường xuất khẩu sang nhiều quốc gia trên thế giới do nước ta có sự mở cửa ngày càng sâu rộng hơn. Một nguyên nhân khác giúp ngành hàng đồ gỗ có thể cạnh tranh tốt hơn và có kim ngạch xuất khẩu cao là do nguồn nguyên liệu trong nước ổn định và tạo được sự cạnh tranh về giá cả phục vụ ngành sản xuất chế biến đồ gỗ tốt hơn. Tuy nhiên, ngành chế biến và xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam cũng còn nhiều hạn chế như phụ thuộc nguyên liệu nước ngoài, khâu thiết kế còn yếu, vận hành chuỗi giá trị ngành gỗ còn nhiều điểm nghẽn. Trong số đó, nguồn

cung nguyên liệu là một trong những vấn đề khó khăn lớn nhất của toàn ngành khi mà nguồn cung lớn từ Lào bị cắt giảm và nguồn rừng tự nhiên trong nước bị đóng cửa. Với bối cảnh đó, phân tích nguồn cung nguyên liệu cho ngành chế biến đồ gỗ xuất khẩu sẽ đưa ra được những cơ sở quan trọng để đề xuất các các giải pháp góp phần đáp ứng kịp thời nguồn nguyên liệu cho sản xuất đồ gỗ xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian tới.

## TỔNG QUAN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Rất nhiều nghiên cứu về chuỗi giá trị ngành hàng đồ đã cho thấy nguồn cung nguyên liệu gỗ đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình thúc đẩy sản xuất và tạo ra giá trị cho ngành chế biến và xuất khẩu các sản phẩm gỗ<sup>1-3</sup>. Sự gia tăng những yêu cầu về chứng minh nguồn gốc gỗ nguyên liệu hợp pháp và chính sách đóng cửa rừng tự nhiên đã gia tăng sức ép và ảnh hưởng lên công nghiệp chế biến gỗ của nhiều nước<sup>4,5</sup>. Những nghiên cứu cụ thể về ngành chế biến gỗ của Việt Nam cũng đã chỉ ra rằng để phát triển xuất khẩu lâm sản nói chung và đồ gỗ nói riêng, Việt Nam cần tập trung vào chiến lược trồng rừng để cung cấp nguồn nguyên liệu gỗ<sup>6</sup>. Các nghiên cứu khác của Vũ

Trường Đại học Kinh tế - Luật,  
ĐHQG-HCM

### Liên hệ

Nguyễn Văn Nền, Trường Đại học Kinh tế -  
Luật, ĐHQG-HCM

Email: nennv@uel.edu.vn

### Lịch sử

- Ngày nhận: 03-11-2018
- Ngày chấp nhận: 20-03-2019
- Ngày đăng: 28-05-2019

### DOI:

<https://doi.org/10.32508/stdjelm.v3i2.545>



### Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



**Trích dẫn bài báo này:** Nền N.V. Phân tích thực trạng nguồn cung nguyên liệu cho ngành chế biến đồ gỗ xuất khẩu của Việt Nam. *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.*; 3(2):95-103.

Thu Hương & cộng sự (2014), Trần Văn Hùng (2015) cũng đã dự báo sự phụ thuộc nguồn nguyên liệu sẽ là những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động chế biến và xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam trong thời gian tới<sup>7,8</sup>. Với những vấn đề được đặt ra cho ngành chế biến gỗ Việt Nam cùng với cách tiếp cận của những nghiên cứu trước đây, nghiên cứu này sẽ tiếp cận phân tích về nguồn cung nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ Việt Nam ở bốn khía cạnh chính: (i) phân tích nhu cầu nguồn nguyên liệu cho chế biến gỗ; (ii) phân tích khả năng cung ứng nguyên liệu từ nội địa; (iii) phân tích nguồn cung nguyên liệu nhập khẩu và (iv) phân tích khả năng đáp ứng các yêu cầu về nguồn gốc xuất xứ nguyên liệu gỗ của Việt Nam.

Dữ liệu nghiên cứu liên quan đến trồng rừng, khai thác, chế biến gỗ được lấy từ thống kê của Trung tâm thông tin và phát triển nông nghiệp nông thôn<sup>9</sup>. Các dữ liệu về nguồn nguyên liệu nhập khẩu, kim ngạch xuất khẩu ngành chế biến gỗ được lấy từ trung tâm thương mại quốc tế (ITC)<sup>10</sup>.

Về phương pháp nghiên cứu, bài viết sử dụng phương pháp định tính với những kỹ thuật như tổng hợp, thống kê dữ liệu, phân tích dữ liệu, đánh giá thực trạng, nhằm đưa ra những kết quả phân tích cụ thể về thực trạng nguồn cung nguyên liệu cho chế biến đồ gỗ xuất khẩu của Việt Nam để đề xuất những kiến nghị và giải pháp phát triển.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### Tổng quan hoạt động xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam

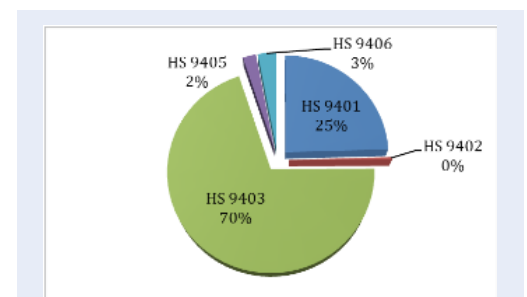
*Thứ nhất, về kim ngạch xuất khẩu.* Với chiến lược phát triển được định hướng rõ ràng, ngành chế biến gỗ Việt Nam đã có sự phát triển vượt bậc trong thời gian qua, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm gỗ và đồ gỗ luôn nằm trong top các nhóm hàng hóa xuất khẩu chủ lực của đất nước. Xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam luôn đứng đầu khu vực Asean và duy trì vị trí thứ từ thứ 5 đến thứ 7 thế giới trong 4 năm trở lại đây (dữ liệu ITC năm 2018<sup>10</sup>). Với thành tựu tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu liên tục trong thời gian qua, ngành gỗ đã góp phần đáng kể trong quá trình nâng cao vị thế thương mại của Việt Nam trên bản đồ thương mại quốc tế.

Theo quy hoạch phát triển công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030<sup>11</sup> thì đến năm 2015, xuất khẩu ngành gỗ Việt Nam đạt giá trị 5 tỷ USD với tốc độ tăng trưởng trung bình 8%/năm, đạt 8 tỷ USD vào năm 2020 và trung bình tăng trưởng xuất khẩu 9%/năm. Tuy nhiên, giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng trưởng trung bình đã là 14,14% năm, kim ngạch xuất khẩu đến năm 2018 đã vượt mục tiêu quy hoạch đến năm 2020. Kết quả trên

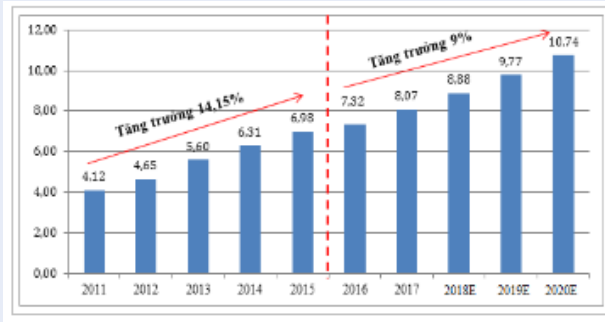
là do nhiều doanh nghiệp đã mạnh dạn đầu tư thiết bị nhập khẩu từ châu Âu, Nhật để đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe về chất lượng của khách hàng. Đầu tư trang thiết bị hiện đại không những giảm lượng lao động, tăng năng suất mà còn tiết kiệm được nguyên liệu sản xuất, gia tăng giá trị gia tăng. Với đà tăng trưởng trên, dự báo xuất khẩu gỗ và đồ gỗ của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng cao vào những năm tới (**Hình 1**).

*Thứ hai, về thị trường xuất khẩu đồ gỗ.* Tính đến hết năm 2018, Việt Nam đã xuất khẩu đồ gỗ đến 171 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. 10 quốc gia có kim ngạch nhập khẩu đồ gỗ của Việt Nam lớn nhất đã chiếm tỷ trọng trên 85% với kim ngạch nhập khẩu đều trên 100 triệu USD/mỗi quốc gia, trong đó Hoa Kỳ chiếm trên 53% và là quốc gia duy nhất có kim ngạch nhập khẩu đồ gỗ của Việt Nam trên 1 tỷ USD. Tính tổng cho các quốc gia tại khu vực EU, Việt Nam cũng đã có giá trị xuất khẩu đồ gỗ vào khu vực này gần hơn 1 tỷ USD vào năm 2018, xếp thứ hai sau Hoa Kỳ.

*Thứ ba, về chủng loại đồ gỗ xuất khẩu.* Chủng loại đồ gỗ xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là đồ nội thất văn phòng và đồ nội thất gia đình (HS9403), chiếm khoảng 70% tổng kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ (**Hình 2**). Tỷ trọng xuất khẩu ghế ngồi (HS9401) chiếm khoảng 24%. Các loại còn lại như đồ nội thất cho bệnh viện (HS9402), các loại đèn ngủ (HS9405), nhà lắp ghép (HS9406) chỉ chiếm khoảng 6% tổng kim ngạch xuất khẩu (dữ liệu ITC năm 2018<sup>10</sup>). Đồ nội thất văn phòng và gia đình vốn là thế mạnh xuất khẩu của Việt Nam trong thời qua, nó phù hợp với điều kiện nguồn nguyên liệu, thói quen sản xuất của các doanh nghiệp chế biến gỗ Việt Nam.



**Hình 2: Cơ cấu kim ngạch xuất khẩu các chủng loại đồ gỗ.** Nguồn: Dữ liệu ITC năm 2018<sup>10</sup>



Hình 1: Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ và sản phẩm gỗ. Nguồn: ITC năm 2018<sup>10</sup> và dự báo của tác giả

### Phân tích nguồn nguyên liệu cho chế biến đồ gỗ xuất khẩu

#### Thứ nhất, về nhu cầu nguyên liệu cho chế biến gỗ xuất khẩu

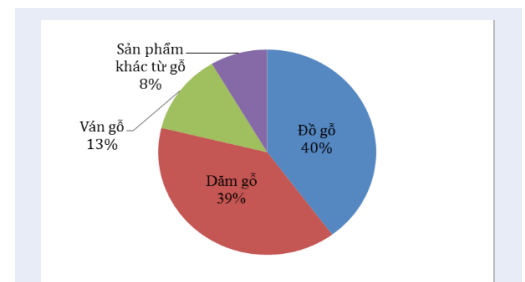
Cùng với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu đáng kể trong gần 10 năm trở lại đây, chế biến gỗ xuất khẩu là một trong những ngành xuất khẩu mũi nhọn, năng động và thành công nhất trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Với sự tăng trưởng sản xuất và xuất khẩu mạnh mẽ trong thời gian qua, nhu cầu nguyên liệu gỗ cho ngành chế biến gỗ ngày càng gia tăng mạnh mẽ. Với các chủng loại đồ gỗ và các sản phẩm khác từ gỗ được sản xuất của Việt Nam, nguồn nguyên liệu được sử dụng trong ngành chế biến gỗ bao gồm các loại sau:

- Nguyên liệu cho sản xuất đồ gỗ: các mặt hàng đồ gỗ xuất khẩu của Việt Nam thuộc nhóm sản phẩm có mã HS94 như đồ gỗ ngoài trời, ghế gỗ, đồ nội thất phòng ngủ, phòng ăn và đồ nội thất văn phòng. Đây cũng là nhóm sản phẩm có giá trị sản xuất và kim ngạch xuất khẩu chủ yếu trong ngành chế biến gỗ với kim ngạch xuất khẩu trung bình giai đoạn 2010-2017 khoảng 78% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành (dữ liệu ITC năm 2018<sup>10</sup>). Để sản xuất các loại đồ gỗ như trên, ngành chế biến gỗ Việt Nam cần đến các nguyên liệu như: gỗ tròn, gỗ xẻ, sợi gỗ, ván gỗ, ván ép, các nguyên liệu mây tre, nứa và sản phẩm phụ trợ. Ước tính hiện nay, trung bình Việt Nam cần khoảng 9 triệu m<sup>3</sup> gỗ quy tròn mỗi năm cho hoạt động sản xuất các mặt hàng đồ gỗ<sup>12</sup>.

- Nguyên liệu cho sản xuất dăm gỗ: hàng năm, Việt Nam cũng sản xuất và xuất khẩu một lượng lớn dăm gỗ. Nguyên liệu cho sản xuất dăm gỗ thuộc mã HS4401 chủ yếu là các loại cây gỗ từ rừng trồng trong nước như keo, trầm và các loại phế liệu sau cửa xẻ. Ước tính hiện nay, trung bình Việt Nam cần khoảng 9,4 triệu m<sup>3</sup> gỗ quy tròn mỗi năm cho hoạt động sản xuất dăm gỗ<sup>12</sup>.

- Nguyên liệu cho sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ: các sản phẩm khác từ gỗ mà Việt Nam xuất khẩu thuộc mã HS44 (trừ dăm gỗ) như đồ lưu niệm, khung tranh, khay sơn mài, chặn giấy, cửa gỗ, ván ghép, tay vịn cầu thang, ván nhân tạo... Ước tính hiện nay, trung bình Việt Nam cần khoảng 5 triệu m<sup>3</sup> gỗ quy tròn mỗi năm cho hoạt động sản xuất các sản phẩm từ gỗ thuộc nhóm này, riêng phần ván nhân tạo chiếm khoảng 3 triệu m<sup>3</sup><sup>12</sup>.

Với những số liệu nêu trên, tổng nhu cầu nguyên liệu cho chế biến đồ gỗ và các sản phẩm khác từ gỗ cho xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 5 năm trở lại đây trung bình khoảng 23,6 triệu m<sup>3</sup> mỗi năm. Trong đó, sản xuất dăm gỗ và đồ gỗ có nhu cầu lớn nhất về nguồn nguyên liệu (Hình 3).



Hình 3: Tỷ trọng nguyên liệu gỗ (m3) sử dụng trong chế biến gỗ giai đoạn 2012-2018. Nguồn: Tác giả tính toán

Nhu cầu nguồn nguyên liệu cho chế biến các sản phẩm đồ gỗ xuất khẩu chỉ chiếm khoảng 39,83% tổng số nguyên liệu gỗ nhưng kim ngạch xuất khẩu mang lại chiếm hơn 78% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành. Dĩ nhiên không thể so sánh giữa nguyên liệu cho sản xuất dăm gỗ và đồ gỗ xuất khẩu vì giá trị nguyên liệu cho sản xuất các dòng sản phẩm này hoàn toàn khác nhau. Tuy nhiên, phân so sánh này cũng phần nào cho thấy được tầm quan trọng và khả năng

tao ra giá trị của sản phẩm tinh chế như đồ gỗ so với chỉ sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm thô có giá trị thấp như dăm gỗ.

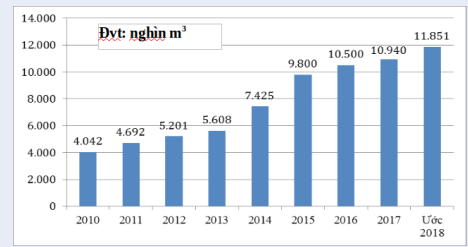
### Thứ hai, về khả năng cung ứng của nguồn nguyên liệu trong nước

Với nhu cầu sản xuất đồ gỗ và các sản phẩm từ gỗ xuất khẩu của Việt Nam, nguồn nguyên liệu trong nước có thể cung ứng bao gồm các chủng loại sau:

- Gỗ rừng tự nhiên trong nước: được khai thác và dùng để sản xuất các mặt hàng đồ gỗ, nội ngoại thất cao cấp có giá trị xuất khẩu cao;
- Gỗ rừng trồng trong nước: chủ yếu để sản xuất dăm gỗ xuất khẩu, sản xuất bột giấy, sản xuất ván nhân tạo các loại và sản xuất đồ mộc;
- Các loại gỗ vườn nhà và các loại gỗ trồng phân tán, gỗ cao su thanh lý: được sử dụng để sản xuất ván ghép thanh, đồ gỗ ngoài trời, đồ mộc;
- Các loại ván nhân tạo: được sản xuất chủ yếu từ dăm gỗ từ gỗ rừng trồng trong nước, dùng để sản xuất các đồ nội thất;
- Các loại mây, tre, nứa: dùng trong sản xuất kết hợp với gỗ, chủ yếu là từ rừng trồng và rừng tự nhiên trong nước.

Theo Báo cáo tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng<sup>13</sup>, tổng diện tích đất có rừng của Việt Nam đạt khoảng 14,37 triệu ha với diện tích rừng tự nhiên là 10,24 triệu ha, chiếm 71,26% và diện tích rừng trồng là 4,13 triệu ha, chiếm 28,74%. Rừng Việt Nam tập trung chủ yếu ở Trung du, miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung<sup>9</sup>. Tuy nhiên, theo quyết định số 2242/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường công tác quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020, từ năm 2014, phải dừng khai thác chính gỗ rừng tự nhiên (trừ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô, tỉnh Kon Tum và Công ty TNHH MTV Lâm Công nghiệp Long Đại, tỉnh Quảng Bình được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững quốc tế). Giai đoạn 2008-2018, sản lượng khai thác gỗ của Việt Nam liên tục tăng (Hình 4), mức tăng trưởng bình quân trong giai đoạn này đạt 15,26%, trong đó hai khu vực có sản lượng khai thác gỗ lớn nhất, chiếm tới hơn 60% sản lượng gỗ khai thác của cả nước là Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung, Trung du và miền núi phía Bắc<sup>9</sup>.

Đối với các nguồn cung nguyên trong nước cho chế biến gỗ, sản lượng gỗ rừng trồng mặc dù có tăng lên hàng năm nhưng không đủ điều kiện để chế biến đồ gỗ xuất khẩu. Hầu hết gỗ rừng trồng được khai thác là keo, trầm, bạch đàn... có đường kính nhỏ, nhiều mắt chủ yếu được dùng để sản xuất dăm gỗ và ván gỗ nhân tạo, không thể phục vụ cho sản xuất các mặt hàng đồ



**Hình 4: Sản lượng khai thác gỗ giai đoạn 2010 - 2018\*** \*Sản lượng khai thác bao gồm gỗ tự nhiên và gỗ rừng trồng.  
Nguồn: AGROINFO , Bộ NN&PTNT (2017)<sup>9,13</sup>

gỗ xuất khẩu. Do đó, nguồn cung nguyên liệu trong nước cho sản xuất đồ gỗ hầu như được cung cấp từ các nguồn rừng tự nhiên, ván gỗ nội địa, cây vườn nhà và gỗ cao su thanh lý. Tuy nhiên, từ năm 2017, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã yêu cầu các địa phương không cấp chỉ tiêu, đóng cửa khai thác chính gỗ rừng tự nhiên trên toàn quốc, kể cả các đơn vị đã có chứng chỉ quản lý rừng bền vững quốc tế. Vì thế nguồn cung gỗ tự nhiên trong nước cho sản xuất đồ gỗ xuất khẩu hầu như không còn. Lượng nguyên liệu nội địa còn lại chủ yếu phụ thuộc vào các nguồn gỗ trồng phân tán trong cả nước đạt khoảng 2,1 triệu m<sup>3</sup>/năm và lượng cung gỗ từ nguồn các rừng cao su thanh lý hiện ở mức khoảng 3,2 triệu m<sup>3</sup>/năm<sup>12</sup>. Tuy nhiên, tỷ lệ nguyên liệu nội địa đối với gỗ rừng trồng, gỗ vườn, gỗ cao su được sử dụng cho sản xuất đồ gỗ xuất khẩu chiếm khoảng 22,7%<sup>12</sup> với khoảng 3,9 triệu m<sup>3</sup>/năm, với chủ yếu là nguồn gỗ cao su. Trong thời gian gần đây, các nguồn gỗ vườn, gỗ cao su nội địa của Việt Nam đang dần cạn kiệt do sản lượng khai thác giảm và không đáp ứng yêu cầu về nguồn gốc gỗ cho các sản phẩm đồ gỗ xuất khẩu. Do đó, với nhu cầu sử dụng khoảng 9 triệu m<sup>3</sup>/năm, phần cung ứng nguyên liệu gỗ cho sản xuất đồ gỗ xuất khẩu hầu như phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu từ nước ngoài.

### Thứ ba, về nguồn nguyên liệu nhập khẩu cho sản xuất đồ gỗ

Nguồn nguyên liệu gỗ nhập khẩu giữ vai trò vô cùng quan trọng trong sản xuất của ngành, nó bù đắp sự thiếu hụt của nguồn nguyên liệu cung ứng trong nước. Hằng năm, Việt Nam nhập khẩu một lượng lớn nguyên liệu gỗ từ hơn 110 quốc gia trên thế giới (Dữ liệu ITC năm 2018<sup>10</sup>) với nhiều chủng loại khác nhau, trong đó tập trung chủ yếu vào gỗ tròn, gỗ xẻ và ván gỗ các loại cho sản xuất đồ gỗ xuất khẩu. Với tổng nhu cầu gỗ quy tròn hiện nay khoảng 9 triệu

m<sup>3</sup>/năm và khả năng cung ứng trong nước hiện tại vào khoảng 3,2 triệu m<sup>3</sup>/năm, phần còn lại được nhập khẩu từ các quốc gia trên thế giới. Hàng năm Việt Nam nhập khẩu khoảng 160-170 loài gỗ nguyên liệu, trong đó có 20-30 loài có số lượng nhập khẩu trên 10.000 m<sup>3</sup>/loài/năm<sup>14</sup>. Các loài gỗ nhập khẩu khác nhau cho thấy sự đa dạng trong yêu cầu của khách hàng về nguyên liệu sản xuất đồ gỗ xuất khẩu.

Số lượng nhập khẩu các loại nguyên liệu chính cho sản xuất đồ gỗ trung bình giai đoạn 2010-2018 vào khoảng 7,6 triệu m<sup>3</sup>/năm. Trong số đó, cung ứng từ 66,6% đến 77,3% cho sản xuất các sản phẩm đồ gỗ xuất khẩu<sup>4</sup>. Tổng kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu cho chế biến đồ gỗ xuất khẩu hầu như tăng liên tục qua các năm theo sự tăng trưởng của xuất khẩu đồ gỗ (Bảng 1).

Tuy nhiên, cũng có thể nhận thấy sự giảm rõ rệt của kim ngạch nhập khẩu trong năm 2018 so với giai đoạn trước. Sự sụt giảm này là do giảm nhập khẩu gỗ xẻ, vốn chiếm phần lớn trong giá trị nhập khẩu nguyên liệu. Trong những năm gần đây, nhập khẩu gỗ xẻ từ Lào và Campuchia giảm mạnh vì các nước này siết chặt xuất khẩu gỗ nguyên liệu. Trong khi đó, nhập khẩu gỗ ván các loại lại có xu hướng tăng mạnh hơn từ các thị trường khác do quy cách chuẩn, để sản xuất từ các loại nguyên liệu này. Hình 5 thể hiện rõ nét sự gia tăng trong kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ ngày càng mạnh hơn so với kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu. So sánh sự tương quan giữa xu hướng xuất khẩu đồ gỗ và nhập khẩu nguyên liệu gỗ trong một thời gian dài, thậm chí nhập khẩu nguyên liệu năm 2018 có xu hướng giảm nhưng xuất khẩu đồ gỗ vẫn tăng mạnh mẽ, cho thấy sự giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu cho sản xuất đồ gỗ xuất khẩu của Việt Nam. Trong giai đoạn gần đây, xu hướng sản xuất đồ gỗ xuất khẩu từ các loại ván nhân tạo sản xuất nội địa được các doanh nghiệp chế biến chú trọng nhiều hơn vì giá thành rẻ, sản phẩm cạnh tranh tốt hơn trên thị trường. Bên cạnh đó, kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu tăng chậm hơn kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ qua các năm cũng xuất phát từ gia tăng giá trị đồ gỗ xuất khẩu. Đây cũng có thể là hướng đi lâu dài và bền vững cho ngành xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam, giảm bớt sự phụ thuộc vào việc nhập khẩu nguồn nguyên liệu từ bên ngoài cũng như phát triển nguồn nguyên liệu trong nước còn nhiều khó khăn.

#### **Thứ tư, về nguồn gốc xuất xứ nguyên liệu**

Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang mang lại những cơ hội tiếp cận và mở rộng thị trường đáng kể cho đồ gỗ xuất khẩu của Việt Nam. Hội nhập cũng tạo động lực thúc đẩy quá trình sản xuất kinh doanh

của toàn ngành chế biến gỗ, từ đó tạo đà cho ngành theo hướng bền vững hơn trong tương lai. Bên cạnh đó, việc tăng cường các yêu cầu về tăng trưởng xanh với việc thực thi một loạt các yêu cầu về nguồn gốc gỗ hợp pháp đang trở thành yêu cầu chủ đạo ở nhiều thị trường nhập khẩu các mặt hàng đồ gỗ, như Luật Lacey của Hoa Kỳ, Chương trình Thực thi Luật lâm nghiệp, Quản trị rừng và Thương mại Lâm sản do EU khởi xướng, các hàng rào kỹ thuật... đang tạo ra những thách thức đặc biệt lớn đối với sự phát triển của ngành chế biến gỗ xuất khẩu nói chung và xuất khẩu đồ gỗ nói riêng của Việt Nam.

Trong ba nhóm nguyên liệu gỗ nhập khẩu bao gồm gỗ tròn, gỗ xẻ và ván gỗ các loại thì gỗ tròn và gỗ xẻ chiếm tỷ trọng đáng kể, dao động từ 75-80% tổng kim ngạch nhập khẩu (dữ liệu ITC năm 2018<sup>10</sup>). Nhóm nguyên liệu này cũng là nhóm bị kiểm soát gắt gao nhất về nguồn gốc gỗ hợp pháp trong sản xuất đồ gỗ xuất khẩu. Trong khi đó, các nguồn ván nhân tạo lại ít bị kiểm soát hơn.

Đối với gỗ tròn, chiếm từ 24-36% tổng kim ngạch nguyên liệu gỗ nhập khẩu (dữ liệu ITC năm 2018<sup>10</sup>), bao gồm hai nhóm chính. Nhóm thứ nhất là các loại gỗ từ rừng tự nhiên nhiệt đới được nhập khẩu từ các nước tiểu vùng sông Mê Công (chủ yếu là Lào) và Châu Phi, những khu vực được xem là có tính rủi ro cao về tình pháp lý của nguồn gốc gỗ. Nhóm thứ hai là các loại gỗ từ rừng trồng hoặc rừng ôn đới có nguồn gốc từ Châu Âu và Bắc Hoa Kỳ, có độ rủi ro thấp về sự hợp pháp của nguồn nguyên liệu. Trong những năm gần đây, xu hướng nhập khẩu gỗ tròn thuộc nhóm 1 có xu hướng giảm, nhất là khi các doanh nghiệp trong nước ý thức được việc phải tìm nguồn gỗ hợp pháp để đáp ứng yêu cầu cho xuất khẩu của các nước và nguồn cung từ Lào giảm đáng kể do chính sách đóng cửa rừng tự nhiên của nước này. Trong khi đó, các loại gỗ thuộc nhóm 2 lại có lượng nhập khẩu ổn định và có xu hướng tăng dần.

Đối với gỗ xẻ, chiếm từ 36-56% tổng kim ngạch nguyên liệu gỗ nhập khẩu (dữ liệu ITC năm 2018<sup>10</sup>), cũng bao gồm hai nhóm chính. Tương tự với gỗ tròn, gỗ xẻ cũng có nguồn gốc từ hai nguồn bao gồm từ các rừng nhiệt đới Châu Phi và tiểu vùng sông Mê Công có rủi ro pháp lý cao và các rừng trồng/rừng ôn đới Châu Âu và Bắc Hoa Kỳ. Trong những năm gần đây, nhập khẩu gỗ xẻ nguyên liệu thuộc nhóm có rủi ro cao cũng có xu hướng giảm và nhập khẩu gỗ xẻ nguyên liệu thuộc nhóm có nguồn gốc hợp pháp hơn có xu hướng ổn định và tăng dần.

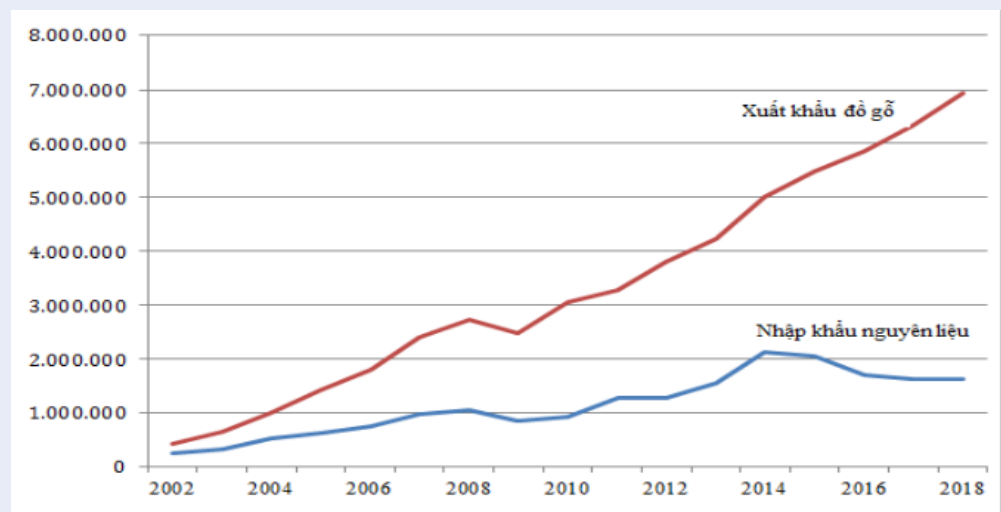
Tuy nhiên, ở cả hai loại gỗ tròn và gỗ xẻ, mặc dù đang có những dịch chuyển trong cơ cấu gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ các nguồn được cho là rủi ro cao sang các nguồn có độ rủi ro thấp hơn nhưng nguồn

**Bảng 1: Kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu gỗ giai đoạn 2010-2018**

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	Ước 2018
Gỗ tròn	265,4	334,7	324,2	427,2	529,6	513,249	538,4	566,2	582,5
Tỷ trọng (%)	28,32	26,17	25,27	27,43	24,94	24,96	31,76	34,49	35,92
Gỗ xẻ	518,9	605,4	608,8	803,4	1.218,4	1.144,9	749,3	651,5	586,2
Tỷ trọng (%)	55,36	47,34	47,44	51,58	57,37	55,68	44,20	39,69	36,15
Gỗ ván các loại và khác	152,9	338,7	350,2	326,8	375,744	398,1	440,3	423,8	452,7
Tỷ trọng (%)	16,32	26,49	27,29	20,99	17,69	19,36	24,03	25,82	27,92
<b>Tổng kim ngạch</b>	<b>937,3</b>	<b>1.278,9</b>	<b>1.283,3</b>	<b>1.557,5</b>	<b>2.123,8</b>	<b>2.056,2</b>	<b>1.695,2</b>	<b>1.641,5</b>	<b>1.621,3</b>

Đơn vị tính: 1.000 USD

Nguồn: Dữ liệu ITC năm 2019<sup>10</sup>



**Hình 5: Tương quan kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu đồ gỗ.** Nguồn: Dữ liệu từ ITC năm 2019<sup>10</sup>

nguyên liệu có rủi ro pháp lý cao vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nhập khẩu nguyên liệu gỗ. Với tỷ trọng lớn các loài gỗ nhập khẩu từ các nguồn được coi là rủi ro cho thấy một số doanh nghiệp vẫn tiếp tục ưu tiên nhập khẩu gỗ từ các nguồn này. Điều này cũng đồng nghĩa với việc nhiều doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ xuất khẩu của Việt Nam không chỉ đối mặt với các rủi ro về mặt pháp lý mà còn sẽ bị ảnh hưởng đến hình ảnh của mình trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và yêu cầu ngày càng khó khăn về phát triển bền vững của các thị trường tiêu thụ khó tính trên thế giới.

## THẢO LUẬN

Với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu các sản phẩm đồ gỗ, dự kiến nhu cầu nguồn nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ sẽ tiếp tục tăng mạnh trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, các nước trong khu vực ngày càng có biện pháp ngặt nghèo hơn nhằm hạn chế xuất khẩu gỗ nguyên liệu. Việt Nam và EU cũng đã hoàn tất Hiệp định đối tác tự nguyện VPA/FLEGT về việc tất cả các sản phẩm gỗ Việt Nam xuất khẩu vào EU đều phải có nguồn gốc hợp pháp. Do đó, trong thời gian tới, Việt Nam cần tập trung các một số vấn đề cốt lõi sau trong quá trình xây dựng các giải pháp chuẩn bị nguồn nguyên liệu cho chế biến đồ gỗ:

### Một là, đối với dự báo nhu cầu gỗ nguyên liệu

Công tác dự báo nhu cầu gỗ nguyên liệu cần được thực hiện một cách bài bản, khoa học và chi tiết. Với chi tiết các chủng loại đồ gỗ xuất khẩu và nguyên liệu cấu thành chúng, chúng ta hoàn toàn có thể nghiên cứu phương pháp cụ thể để tính toán và dự báo các

loại nguyên liệu cần thiết cho sản xuất đồ gỗ xuất khẩu cho những năm tiếp theo. Dự báo nhu cầu nguyên liệu cần cụ thể đến mức độ sản xuất đồ gỗ trong những năm tiếp theo sẽ cần cụ thể những loại gỗ nào và sản lượng bao nhiêu để có thể đáp ứng nhu cầu. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu về chất lượng, yêu cầu về gỗ nguyên liệu cũng cần được thể hiện rõ. Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam nên là đơn vị chịu trách nhiệm trong việc phối hợp với các chuyên gia và đơn vị tư vấn để thực hiện công tác điều tra và dự báo. Kết quả dự báo nhu cầu nguồn nguyên liệu gỗ sẽ là cơ sở quan trọng để tiếp tục xây dựng và thực hiện các kế hoạch phát triển nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ trên phạm vi cả nước.

### **Hai là, đối với nguồn nguyên liệu trong nước**

Với kết quả dự báo nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ, chúng ta cần rà soát cụ thể khả năng cung ứng của từng loại trong điều kiện thực tế nguồn nguyên liệu của cả nước. Từ đó có những chính sách rõ ràng hơn trong quá trình trồng rừng, khai thác và sử dụng triệt để phần nguyên liệu nội địa. Những chính sách có thể tập trung là hạn chế xuất khẩu gỗ thô nguyên liệu, dăm gỗ, chính sách ưu đãi cho đầu tư trồng rừng. Tuy nhiên, việc hạn chế xuất khẩu những loại nào, chú trọng vào phát triển loại nguyên liệu nội địa nào hay cần trồng loại gỗ nguyên liệu nào cũng chỉ có thể thực hiện được nếu công tác dự báo nhu cầu nguyên liệu được hiện bài bản, khoa học và chính xác.

### **Ba là, đối với nguồn nguyên liệu nhập khẩu**

Mặc dù nhập khẩu nguyên liệu gỗ hầu như tăng qua các năm theo sự tăng trưởng sản xuất của ngành chế biến gỗ nhưng tỷ lệ nhập khẩu nguyên liệu/giá trị xuất khẩu đồ gỗ đã giảm rất mạnh theo thời gian. Kết quả trên cho thấy về tổng thể, Việt Nam đã giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu từ nước ngoài. Tuy nhiên, nguồn nguyên liệu nhập khẩu vẫn là cấu thành quan trọng trong các sản phẩm đồ gỗ xuất khẩu của Việt Nam. Do đó, chính phủ cần tạo những điều kiện thuận lợi nhất để nhập khẩu và cung ứng nguyên liệu gỗ cho ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu sản phẩm gỗ sao cho đáp ứng số lượng, chất lượng và thời gian với giá cả cạnh tranh. Trong đó, xây dựng công thông tin về nguyên liệu gỗ là điều kiện quan trọng để các doanh nghiệp có thể tham khảo các thông tin về nguồn nguyên liệu gỗ, chủ động hơn trong việc nhập khẩu và tránh dự trữ tồn kho nguyên liệu trong thời gian quá dài.

### **Bốn là, đối với nguồn gốc xuất xứ nguyên liệu**

Đối với nguồn nguyên liệu nội địa, rõ ràng Việt Nam đang đối mặt với nhiều rủi ro pháp lý về chứng chỉ rừng trồng trong nước khi mà tỷ lệ rừng được cấp chứng chỉ FSC chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Nâng cao tỷ lệ rừng được cấp chứng chỉ FSC cần được xem là một trong những hoạt động quan trọng nhất trong lĩnh vực trồng rừng. Dĩ nhiên để đạt được yêu cầu cho chứng chỉ FSC, cần phải có thời gian và kinh phí, và từ đó sẽ nâng giá thành sản xuất nguyên liệu nội địa. Tuy nhiên với yêu cầu về xuất xứ nguyên liệu trong các hiệp định quốc tế mà Việt Nam đã ký kết thì bắt buộc các doanh nghiệp chế biến gỗ phải sử dụng các nguồn nguyên liệu này. Do đó, mục tiêu đạt được FSC không phải là thách thức mà chính là cơ hội cho các doanh nghiệp trồng rừng trong thời gian tới để có thể bán được nguồn nguyên liệu của mình. Đối với nguồn nguyên liệu nhập khẩu, xu hướng giảm dần tỷ trọng nhập khẩu nguyên liệu gỗ ở những khu vực có rủi ro pháp lý cao đã thể hiện hướng đi đúng của các doanh nghiệp Việt Nam. Những cam kết mạnh mẽ của Việt Nam về nguồn gốc nguyên liệu gỗ hợp pháp tiếp tục là động lực cho các doanh nghiệp chuyển dịch nhập khẩu nguyên liệu theo xu hướng này. Do đó, những hỗ trợ của nhà nước trong việc cung cấp thông tin về nguồn gốc nguyên liệu gỗ như xây dựng công thông tin về nguyên liệu gỗ sẽ hỗ trợ rất lớn cho doanh nghiệp trong việc tìm kiếm nguồn nguyên liệu hợp pháp.

### **Cuối cùng, đối với liên kết sản xuất**

Tỷ lệ dự trữ nguyên liệu gỗ của các doanh nghiệp chế biến đồ gỗ Việt Nam luôn nằm ở mức cao do không chủ động được về nguồn nguyên liệu và thiếu vắng các liên kết sản xuất trong chuỗi giá trị, từ đó dẫn đến chi phí sản xuất cao. Trong điều kiện chưa thể phát triển thành một chuỗi khép kín từ trồng rừng đến thương mại sản phẩm trong chuỗi giá trị ngành gỗ thì trước tiên Việt Nam cần thực hiện liên kết cung cấp nguyên liệu – sản xuất thành phẩm. Liên kết này cũng đã được một số doanh nghiệp thực hiện tuy nhiên chỉ ở cấp độ doanh nghiệp và rời rạc. Hiệp gỗ và hội lâm sản Việt Nam và các Hiệp hội chế biến xuất khẩu đồ gỗ địa phương cần nâng cao vai trò của mình trong việc thúc đẩy thực hiện các liên kết này.

## **KẾT LUẬN**

Với các hiệp định về tính pháp lý và nhu cầu ngày càng tăng cao của nguyên liệu gỗ cho sản xuất đồ gỗ xuất khẩu, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ các giải pháp về dự báo nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất, phát triển nguồn cung nguyên liệu nội địa, tăng cường tính hợp

pháp trong xuất xứ nguyên liệu, đẩy mạnh liên kết trong sản xuất và các chính sách liên quan đến nhập khẩu nguyên liệu để có thể đáp ứng kịp thời nguồn nguyên liệu cho sản xuất đồ gỗ xuất khẩu của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng mạnh mẽ trong thời gian tới.

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

VCCI: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

AGROINFO: Trung tâm thông tin phát triển nông nghiệp nông thôn - Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông thôn

ITC: Trung tâm thương mại quốc tế

HS: Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa của Tổ chức Hải quan thế giới

FSC: Hội đồng quản lý rừng thế giới

NN&PTNT: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

TNHH MTV: Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên

## XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Tác giả xin cam đoan rằng không có bất kì xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo

## ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Toàn bộ nội dung bài viết chỉ do tác giả thực hiện.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Việt Lâm. Chuỗi giá trị toàn cầu sản phẩm đồ gỗ của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế. Tạp chí công thương. 2017;(1):37-41.
2. World Bank Group. Comparative Value Chain and Economic Analysis of Furniture/Wood Processing Sector (Chairs) in Ethiopia, Tanzania, Zambia, China and Vietnam; 2011.
3. Uusitalo J. Value creation in wood supply chains (wood value). WoodWisdom-Net Research Programme 2006-11 - Final Report; 2006.
4. VCCI. Báo cáo nghiên cứu ngành chế biến gỗ. Hà Nội: Dự án Hỗ trợ Hiệp hội thực hiện nghiên cứu chiến lược phát triển ngành; 2014.
5. United nation. Forest Products Annual Market Review 2012-2013. Geneva Timber and Forest Study Paper. 2013;33.
6. Vũ Thị Minh Ngọc và Hoàng Thị Ngọc Dung. Thực trạng và một số giải pháp phát triển thị trường lâm sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Tạp chí khoa học và công nghệ lâm nghiệp. 2014;(4):151-160.
7. Trần Văn Hùng. Thực trạng và giải pháp phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ. Tạp chí phát triển và hội nhập. 2015;(22):66-72.
8. Hương VT, cộng sự. Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương, Cơ hội và thách thức đối với công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam. Tạp chí khoa học và công nghệ lâm nghiệp. 2014;(3):136-144.
9. AGROINFO. Báo cáo thường niên ngành gỗ Việt Nam 2016 và triển vọng 2017. Hà Nội: Trung tâm thông tin phát triển nông nghiệp nông thôn. 2017;p. 12-16.
10. ITC, 2018, 2019. Dữ liệu Trade map từ Trung tâm thương mại thế giới. Available from <https://www.trademap.org/Index.aspx?lang=fr>;
11. Bộ NN&PTNT. Quyết định 2728-QĐ/BNN-CB về ban hành Quy hoạch công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; 2012.
12. Nguyễn Tôn Quyền và cộng sự. Thực trạng sử dụng nguyên liệu trong chế biến gỗ. Hà Nội: Viforest, FPA Bình Định và Forest Trend. 2016;p. 22-24.
13. Bộ NN&PTNT. Báo cáo tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng và giải pháp trong thời gian tới. Hội nghị chính phủ; 4/2017.
14. Tô Xuân Phúc và cộng sự. Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu 2013-2016. Hà Nội: Viforest, FPA Bình Định và Forest trend; 2016.



# On the supply of raw timber materials for the Vietnam's export furniture manufacturing industry

Nguyen Van Nen\*

## ABSTRACT

The paper focuses on analyzing the practice of raw material supply for the export furniture manufacturing industry in Vietnam. Using statistical data and forecasting methods, we evaluate the demand for wood materials for the export furniture manufacturing industry in Vietnam, the supplies of domestic and imported wood materials as well as their origin. The results show that: (i) there will be a strong increase in the demand for wood materials in the coming years; (ii) the domestic supply from the planted forests in Vietnam is yet to meet the demand due to their poor quality and small quantity; (iii) despite that, the domestic raw materials have been improved recently; (iv) the Vietnamese enterprises show a greater concern about the origin of wood materials. From these findings, we suggested some solutions to ensure the supply of wood materials in the coming years as follows: (i) adopting detailed, systematic and scientific methods for forecasting the supply of wood materials; (ii) developing clearer policies on afforestation, exploitation and use of domestic wood materials; (iii) building a portal for the wood materials; and (iv) promoting the links between the suppliers of raw wood materials and the furniture producers.

**Key words:** wood material, wood processing, furniture, export

---

University of Economics and Law,  
VNU-HCM

## Correspondence

**Nguyen Van Nen**, University of  
Economics and Law, VNU-HCM

Email: nennv@uel.edu.vn

## History

- Received: 03-11-2018
- Accepted: 20-03-2019
- Published: 30-06-2019

## DOI :

<https://doi.org/10.32508/stdjelm.v3i2.545>



## Copyright

© VNU-HCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



**Cite this article :** Nen N V. **On the supply of raw timber materials for the Vietnam's export furniture manufacturing industry.** *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.*; 3(2):95-103.